TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 128/2020/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 23 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 142/2020/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông L, sinh năm: 1965
Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố HD3, phường CPB, thành phố C, tỉnh K.

2. Bà K, sinh năm: 1963
Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố HD3, phường CPB, thành phố C, tỉnh K.
Chỗ ở: 14E/5 D,P9,Q8,HCM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông L và bà K thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết các vấn đề phải giải quyết trong việc dân sự gồm: Các con chung đã trưởng thành; Tài sản chung và lệ phí dân sự sơ thẩm.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà K thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Ông L và bà K có 03 con chung là cháu H, 1980;TH,1983;THA,1988.

Các con chung đã trưởng thành, ông L và bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Ông L và bà K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông L và bà K mỗi người nộp 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng lệ phí việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0001048 ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh K. Ông L và bà K đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Cam Ranh;
- Chi cục THADS TP. Cam Ranh;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

Huỳnh Thị Xuân Oanh